

SÁNG TẠO TRUYỀN THỐNG TRONG VĂN HOÁ: LÝ THUYẾT VÀ THỰC TIỄN TỔ CHỨC LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG Ở QUẢNG NINH

Ngô Hải Ninh^{1*}, Nguyễn Thuỳ Linh²

¹Khoa Văn hoá, Trường Đại học Hạ Long

²Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

*Email: ngohaininh@daihochalong.edu.vn

Ngày nhận bài: 08/8/2023

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 18/10/2023

Ngày chấp nhận đăng: 25/10/2023

TÓM TẮT

Lễ hội truyền thống Quảng Ninh là một di sản văn hoá quý báu của các thế hệ cha ông truyền lại cho chúng ta hôm nay, là nét đẹp trong sinh hoạt văn hoá cổ truyền của cộng đồng các dân tộc Việt Nam nói chung và Quảng Ninh nói riêng. Xuyên suốt chiều dài lịch sử, trải qua nhiều thăng trầm khách quan và chủ quan, vấn đề tổ chức lễ hội Quảng Ninh nói riêng và Việt Nam nói chung được hiểu là một quá trình đan xen nhiều động thái chính trị xã hội khác nhau của Nhà nước và cộng đồng, cho thấy vai trò hợp pháp của Nhà nước và cộng đồng từ quá khứ đến hiện tại đối với hoạt động tại các thực hành sinh hoạt lễ hội. Vận dụng lý thuyết “sáng tạo truyền thống” và trong khuôn khổ thời gian, không gian, nhân vật phụng thờ, diễn trình và giá trị lễ hội truyền thống, bài viết sẽ phân tích thực tiễn tổ chức một số lễ hội tiêu biểu tại Quảng Ninh hiện nay, từ đó thấy được một vài lý thuyết và thực tiễn trong việc tổ chức lễ hội truyền thống, hướng tới mục đích cuối cùng là trân trọng và vận dụng hiệu quả di sản văn hoá trong bối cảnh đổi mới và hội nhập hiện nay.

Từ khóa: lễ hội truyền thống, Quảng Ninh, sáng tạo truyền thống, tổ chức lễ hội.

TRADITIONAL CREATIVITY IN CULTURE: THEORY AND PRACTICE FROM ORGANIZING TRADITIONAL FESTIVAL IN QUANG NINH

ABSTRACT

The Quang Ninh traditional festival is a valuable cultural heritage passed down to us by generations of our ancestors, as well as a beauty in the traditional cultural activities of the Vietnamese ethnic community in general and the Quang Ninh ethnic community in particular. Throughout history, the issue of organizing the Quang Ninh festival in particular and Vietnam in general has been understood as a process of interweaving many different socio-political movements of the State and the community, demonstrating the legal role of the State and the community in festival activities from the past to the present. The article will analyze the practical organization of some typical festivals in Quang Ninh today, using the theory of “traditional creation” and within the framework of time, space, worshiping characters, performances, and traditional festival values, with the ultimate goal of appreciating and effectively using cultural heritage in the context of innovation and cultural heritage conservation.

Keywords: festival organization, Quang Ninh, traditional creation, traditional festival.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lễ hội là một sinh hoạt văn hoá đặc biệt quan trọng trong đời sống cộng đồng người Việt từ quá khứ và còn được bảo lưu và phát huy giá trị cho đến nay như một phong tục. Ngày nay, người ta nhắc nhiều đến từ lễ hội với những thuật ngữ như “bảo lưu”, “phát huy” và cũng thêm những thuật ngữ mới như “phục dựng”, “sáng tạo”, “sân khấu hoá”... Đây chính là diện mạo mới của lễ hội trong quá trình tổ chức lễ hội gắn với lễ nghi, trò diễn, nghi thức và ẩn sâu trong đó, ta thấy được sự tham gia của các bên liên quan mà cụ thể là Nhà nước và cộng đồng. Không chỉ là không gian sinh hoạt tín ngưỡng của “người làng ta”, lễ hội giờ đây còn là không gian để gìn giữ quá khứ và bồi đắp thêm nhiều điểm mới trong tổ chức nhằm đáp ứng những nhu cầu của cá nhân và các nhóm khác nhau. Những điều này gọi cho chúng ta rất nhiều suy nghĩ về bản chất của lễ hội hiện nay: lễ hội không chỉ đơn thuần là một sản phẩm của quá khứ được trao truyền và thực hành trong hiện tại mà các thành viên trong cộng đồng và Nhà nước đã có những cách thức riêng để tổ chức lễ hội? Chính vì thế, vấn đề tổ chức lễ hội được hiểu là một quá trình đan xen nhiều động thái chính trị xã hội khác nhau của Nhà nước và cộng đồng. Xét cho cùng, tổ chức lễ hội chính là một cách để xác lập và củng cố vai trò hợp pháp của Nhà nước và cộng đồng từ quá khứ đến hiện tại đối với hoạt động tại các di sản. Đó là một phần của diễn trình chính trị xã hội, là một cách thức công khai cho thấy vai trò của cả hai chủ thể liên quan với những phương thức tạo lập và tổ chức riêng biệt. Mục đích cuối cùng của quá trình này là trân trọng và vận dụng hiệu quả di sản trong quá trình mới.

Là một vùng đất có bề dày lịch sử và giàu truyền thống văn hoá, Quảng Ninh đã và đang lưu giữ rất nhiều lễ hội độc đáo. Tùy theo tính chất và quy mô, các lễ hội có thể được tổ chức ở phạm vi làng xã, thôn bản, quốc gia và hướng đến nhiều vị thánh thần với sự tưởng nhớ và tôn kính sâu sắc. Tuy nhiên, điểm chung của các lễ hội là đã trở thành một biểu tượng của tính thiêng và trở thành một thành tố không thể thiếu trong đời sống tinh thần

của con người Quảng Ninh. Tiếp cận với lễ hội truyền thống ở Quảng Ninh, chúng ta có thể thấy việc duy trì, phổ rộng lớp tín ngưỡng rồi tiếp đến là tổ chức và thực hành lễ hội truyền thống đã góp phần nhận diện đặc điểm của di sản tín ngưỡng, lễ hội là một cách sử dụng quá khứ cho hiện tại, theo như các nhà văn hoá học và xã hội học thì đó chính là “sáng tạo truyền thống”. Trong khuôn khổ hoạt động lễ hội truyền thống trong bối cảnh đương đại, vấn đề “truyền thống” trở nên linh hoạt và sáng tạo hơn khi chính quyền địa phương cố gắng bảo lưu và phục dựng nghi lễ nhằm tăng thêm hoạt động cho lễ hội để thu hút du khách đồng thời cũng thực hiện chiến lược “bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống của dân tộc”. Lí thuyết và thực tiễn của quá trình “sáng tạo truyền thống” này sẽ được tác giả phân tích bằng chính thực tiễn tổ chức một số lễ hội tiêu biểu tại Quảng Ninh hiện nay.

2. LÍ THUYẾT VỀ “SÁNG TẠO TRUYỀN THỐNG”

Tiếp cận lí thuyết nghiên cứu, câu hỏi đầu tiên được đặt ra là: Sáng tạo truyền thống là gì? Theo các học giả châu Âu, đặc biệt nhà sử học người Anh Eric Hobsbawm thì truyền thống ở đây có thể là ngày quốc khánh, nghi lễ cổ truyền, các vị anh hùng hay những biểu tượng,... Theo cách hiểu này thì sáng tạo gắn với nhiều sự thật lịch sử. “Các nghi lễ và lễ kỷ niệm truyền thống của cộng đồng là chiến lược nhằm xây dựng bản sắc cho đất nước, đồng thời cũng được nhà cầm quyền liên tục giữ gìn và phát huy nhằm thực hiện công cuộc tập hợp và thống nhất các thành viên trong cộng đồng và xã hội” (Hobsbawm & Ranger, 2012). Như vậy, “chất liệu quá khứ” chính là chìa khoá của sáng tạo và quá trình sáng tạo là việc thực hiện lặp đi lặp lại các nghi lễ. Tác giả Phan Thị Diễm Hương cho rằng: “Theo Eric Hobsbawm, một truyền thống được kiến tạo là một truyền thống được tạo ra trong một thời đoạn có sự biến chuyển xã hội khi những truyền thống “cũ” và những người truyền bá chúng trở nên bất lực hoặc bị bài bác, hay khi có một nhóm nào đó nỗ lực tạo ra một bước đột phá với quá khứ bằng cách cân nhắc dừng theo những lối đi cũ. Những truyền thống được kiến tạo thường được tạo tác khá nhanh”

(Phan Thị Diễm Hương, 2018, tr 138). Chúng yêu cầu và ngụ ý sự tiếp nối với quá khứ và chúng tận dụng “những chất liệu cổ xưa để xây dựng những truyền thống được kiến tạo của một kiểu thức mới vì những mục tiêu mới” (Anderson, 2016, tr 6–7).

Bàn về tính quá khứ của di sản, tác giả Nguyễn Thuỳ Linh cho rằng “Tất cả chúng ta đều đồng ý với nhau rằng, không phải bất kỳ quá khứ nào cũng trở thành di sản. Trên thực tế, để trở thành di sản, quá khứ phải trải qua một quá trình lựa chọn có chủ đích. Trong mỗi liên hệ đó, bài viết chú ý đến quan điểm *Di sản là sự lựa chọn từ quá khứ lịch sử, kí ức, báu vật của cộng đồng để thể hiện cho nhu cầu, nguyện vọng, mong muốn của xã hội hiện tại*¹. Theo quan điểm của các nhà xã hội học, “quá khứ được nhìn nhận trong những tác động xã hội hiện thời đối với một hiện tượng cụ thể, trong đó có những dấu vết của quá khứ. Quá khứ được nhìn nhận như là một bộ phận của xã hội hiện tại. Quá khứ mang tính khách quan” (Nguyễn Thuỳ Linh, 2022, tr 72).

Tác giả Đinh Hồng Hải (Đinh Hồng Hải, 2016) cũng có bài viết về sự sáng tạo truyền thống qua hình tượng Liễu Hạnh công chúa dưới góc nhìn văn hoá chính trị. Từ năm 1986, quá trình “mở cửa” kinh tế và văn hóa của Việt Nam (sau gần nửa thế kỉ “chống mê tín dị đoan” một cách cực đoan) đã tạo nên một làn gió mới trong đời sống tinh thần của người Việt. Quyền tự do tôn giáo và tín ngưỡng được quy định trong Hiến pháp và được luật hóa đã trao cho người dân quyền khôi phục lại những gì đã bị phá bỏ trước đó. Đặc biệt, sự ra đời của Nghị quyết TƯ 5 khóa VIII, trong đó nhấn mạnh đến vấn đề bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, giống như một “*thượng phương bảo kiếm*” để phục dựng hoặc sáng tạo truyền thống. Nhu cầu sáng tạo truyền thống theo đó cũng rộ lên “trăm hoa đua nở” với nhiều di tích được cải tạo hoặc xây mới và nhiều nghi lễ được tạo ra bất chấp nguồn tư liệu truyền thống vô cùng ít ỏi thậm chí là không có. Trong bối cảnh đó, tầng lớp trí thức hàn lâm trong xã hội Việt

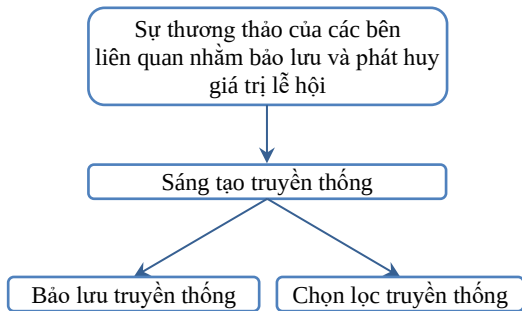
Nam đương đại được sử dụng như những “công cụ” để thẩm định các giá trị truyền thống mới được phục dựng hoặc mới được tạo ra. Những phát ngôn hay những công trình được công bố của họ mặc nhiên được xem như các dẫn chứng để khẳng định tính xác quyết về sự tồn tại của truyền thống đó. Theo sau các nhà khoa học, giới truyền thông cũng “vào cuộc” và cũng đã góp phần quan trọng trong việc nâng tầm các “giá trị văn hóa truyền thống” để phục vụ cho mục đích tuyên truyền và hướng tới một trong những mục tiêu lớn nhất: được UNESCO công nhận di sản văn hóa. Mẫu Liễu trở thành một biểu hiện cụ thể của hiện tượng hỗn dung của một tôn giáo (Đạo giáo) với một tín ngưỡng (thờ nữ thần/mẫu thần) trong văn hóa Việt Nam với những dấu ấn quan trọng và những tác động to lớn của giới trí thức thời cận hiện đại.

Như vậy, bằng cách tiếp cận lí thuyết “sáng tạo truyền thống”, chúng tôi cho rằng quá khứ ở đây được nhìn nhận như một thực thể chủ quan, phụ thuộc vào nhận thức của chủ thể hành động, hay nói cách khác là mỗi người. Với Weber, quá khứ (hay truyền thống) là một chiều kích xem xét khi chúng ta lí giải những hành động của mỗi cá nhân trong xã hội. Trên lí giải đó, chúng ta có thể hiểu rằng, mục đích tham gia vào các hoạt động tưởng nhớ quá khứ (như việc dự lễ hội của người dân) như một thói quen, một hành động hợp lí về mặt truyền thống, đạo đức. Do quá khứ được sử dụng cho xã hội hiện tại mà trong xã hội hiện tại có rất nhiều nhu cầu khác nhau và những nhu cầu này lại phụ thuộc vào rất nhiều nhóm xã hội, nhóm quyền lợi khác nhau nên Nhà nước gìn giữ quá khứ vì nó có lợi cho xã hội hiện tại, trong đó có giai cấp đang nắm quyền hiện tại. Bởi nó cho thấy vai trò và sự tồn tại của Nhà nước và cộng đồng trong việc gìn giữ truyền thống, địa vị và uy tín của chính quyền trong quá trình tạo dựng và bảo lưu phong tục tập quán. Đây là các nhìn nhận quá khứ và di sản một cách khách quan và khoa học mà hầu hết các nhà khoa học đều nhất trí. Khai thác quá khứ để biện hộ cho hiện tại, để minh chứng sự tồn tại của

¹ Quan điểm được phân tích và tổng hợp dựa trên nhiều quan điểm của các nhà nghiên cứu văn hoá.

xã hội hiện tại là tất yếu, như một quá trình tiến hóa lịch sử hoàn toàn tự nhiên, tôn vinh quá khứ chính là một hình thức tôn vinh xã hội hiện tại. Đây chính là mục đích cuối cùng mà Nhà nước và cộng đồng muốn hướng đến.

Từ lý thuyết về sáng tạo truyền thống trên, bài viết đưa ra khung phân tích làm cơ sở để triển khai nghiên cứu như sau:



3. THỰC TIỄN “SÁNG TẠO TRUYỀN THỐNG” TRONG TỔ CHỨC LỄ HỘI QUẢNG NINH

3.1. Lễ hội truyền thống Quảng Ninh: thực trạng và giá trị

Theo thống kê (Phan Thị Huệ, 2018), Quảng Ninh hiện có hơn 100 lễ hội truyền thống, mỗi lễ hội có những nét độc đáo và đặc sắc riêng: Lễ hội Tiên Công nhằm tôn vinh các vị có công đầu khai phá, tôn vinh lao động, tôn vinh tuổi thọ và sức khỏe (tục rước “cụ thượng” là một nội dung độc đáo); Lễ hội truyền thống Vân Đồn ngợi ca chiến công của quân dân thời Trần và biểu dương tinh thần thượng võ mang đậm sắc thái văn hóa lao động gắn liền với biển; Lễ hội đình Trà Cổ thể hiện sự gắn bó của con người nơi địa đầu đất nước, ngợi ca lao động và văn hóa dân gian (tục thi Ông Voi, thi cỗ chay, cỗ mặn); Lễ hội đền Cửa Ông, chùa Long Tiên và nhiều đình chùa khác đều thể hiện lòng hướng thiện, tâm linh trong sáng của cộng đồng... Trải qua thời gian, lễ hội nơi đây không phải là một sản phẩm của quá khứ với những giá trị và hình thái bất di bất dịch, có giá trị vĩnh viễn, mà thay vào đó, trong bối cảnh đương đại, lễ hội luôn được nhìn nhận như một quá trình sáng tạo văn hóa trong môi trường vận động thực tại, được tạo ra từ động lực của các nhóm xã hội khác nhau trong xã hội. Vì lẽ đó, lễ hội

không đơn thuần chỉ dừng lại ở lĩnh vực kinh tế mà còn mang ý nghĩa về chính trị, kinh tế và xã hội. Trong xu thế toàn cầu hóa và bối cảnh đương đại như hiện nay, như luận điểm phần mở đầu của tác giả, tổ chức lễ hội không đơn thuần là việc tôn trọng truyền thống mà còn là một sức mạnh văn hóa để tôn vinh giá trị của cộng đồng và khẳng định bề dày lịch sử và bản sắc văn hóa quốc gia.

Về giá trị của lễ hội, điểm nổi bật đầu tiên là lễ hội truyền thống Quảng Ninh đã tôn vinh và tưởng nhớ các sự kiện lịch sử của địa phương thông qua việc tái hiện các nhân vật lịch sử, các sự kiện đã diễn ra trong quá khứ. Đây chính là giá trị giáo dục đạo lý truyền thống “uống nước nhớ nguồn” của nhân dân, thể hiện các ứng xử văn hóa với thiên nhiên, thần thánh và con người thông qua các hoạt động trong lễ hội. Lễ hội truyền thống phản ánh các sự kiện quân sự, chính trị đặc biệt quan trọng. Những sự kiện đó có tác động, ảnh hưởng đến tiến trình phát triển của xã hội và đất nước. Ví dụ như lễ hội đền Cửa Ông với mục đích tôn thờ các vị anh hùng có công lao với dân với nước, đó là Hoàng Cầm và Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tảng con trai thứ ba của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn đã trấn giữ vùng biển Quảng Ninh – phòng tuyến chống giặc Mông – Nguyên quan trọng vùng Đông Bắc Tổ quốc, lễ hội đền Đức ông Trần Quốc Nghiễn tưởng nhớ vị “Khai quốc công thần” văn võ song toàn và là người con tận hiếu, bề tôi tận trung của triều đình và trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên lần thứ hai và thứ ba của dân tộc. Với giá trị lịch sử này, lễ hội đã góp phần quan trọng để tri ân, tưởng nhớ và tạo dòng chảy bền vững của thời gian từ hiện thực của quá khứ cho đến ngày hôm nay và trao truyền cho tương lai.

Bên cạnh giá trị giáo dục, lễ hội truyền thống Quảng Ninh còn thể hiện đời sống tâm linh sâu sắc của cộng đồng, đó là tín ngưỡng thờ Cha. Trải qua hơn 700 năm từ ngày Đức Thánh Trần hoá nhưng trong tâm thức bao thế hệ, hình tượng Ngài vẫn đang sống, sống trong lòng nhân dân, trong niềm tin về việc Ngài có thể hiển linh, giúp dân trừ họa và cầu bình an. Niềm tin đó, sẽ còn mãi và được lưu

truyền ngày càng rộng khắp và nét đẹp riêng trong hình tượng Đức Thánh Trần mang tính nhân văn và tính dân tộc sâu sắc. Những mỹ từ ca ngợi công ơn to lớn của Trần Hưng Đạo như “sinh vi tướng, tử vi thần”, “uy vũ, linh ứng cảm biến cả trời đất” đã cho thấy dòng chảy của cuộc sống, tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần đã và vẫn đang được bảo tồn, gìn giữ trong đời sống tâm linh của các thế hệ người Việt Nam và ở góc độ nào đó, nó còn góp phần tạo nên những bản sắc văn hoá của vùng đất và con người nước Việt nói chung và Quảng Ninh nói riêng:

“Muôn năm Vạn Kiếp miếu đình

Độ dân là Phật, hiền linh là Thần”.

3.2. Bảo lưu truyền thống với sự thương thảo của nhiều chủ thể đã mang lại nhiều thành quả trong quá trình sáng tạo

Câu chuyện về tổ chức lễ hội không đơn giản là việc áp dụng một kịch bản sẵn có và lặp đi lặp lại từ năm này sang năm khác, bởi bản chất lễ hội có tính động và tất yếu sẽ thay đổi tùy thuộc vào chủ thể thực hành và tổ chức cũng như bối cảnh thời gian và không gian. Chính vì vậy, trong tổ chức lễ hội Quảng Ninh, một mặt, đây là cách thức để cộng đồng khẳng định quyền thừa kế đối với di sản văn hóa này, mặt khác, nó là cách giúp tái hiện nguồn gốc lịch sử của cộng đồng, qua đó góp phần củng cố tình đoàn kết giữa các thành viên. Từ đó, bài viết khẳng định đó là “sự thương thảo của nhiều chủ thể”. Thông qua những thương thảo đó, các hoạt động diễn ra trong lễ hội đã tái hiện hình ảnh về những anh hùng, những danh nhân của đất nước, của địa phương trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội trong lịch sử. Tâm thức dân gian, tình cảm cộng đồng và sự đồng thuận của chính quyền đã tạo dựng lễ hội với sự tổng hoà của ký ức văn bản (thông qua những câu chuyện lưu truyền trong dân gian từ đời này sang đời khác hoặc qua ghi chép của sách), ký ức văn hoá và lịch sử (tất cả những nhân vật, sự kiện lịch sử đó đi vào tâm thức của các tầng lớp nhân dân, được mọi người trân trọng, tôn vinh, lưu giữ và truyền

trao cho các thế hệ kế tiếp). Sự tổng hoà của ký ức văn bản cùng ký ức lịch sử và văn hoá đã giúp hình tượng nhân vật, sự kiện đó vừa có tính bất biến vừa mang tính khả biến với mức độ nhiều hay ít, dày hay mỏng là do nội dung, tính chất của sự kiện, nhân vật đó có tác động, ảnh hưởng như thế nào đến tiến trình lịch sử. Nhưng dù ở mức độ nào đi chăng nữa thì hình tượng các nhân vật và sự kiện được tôn vinh, thờ phụng luôn gắn chặt với lịch sử vùng đất nhất định. Đến với lễ hội Quan Lạn là chúng ta đến với không khí trận chiến đấu oanh liệt dưới sự chỉ huy tài tình của tướng Trần Khánh Dư năm 1288 trên dòng sông Mang lịch sử. Đây là lễ hội mang đậm hào khí Đông A – hào khí thời Trần, khơi dậy chiến thắng oanh liệt của vùng biển Vân Đồn và cũng là lễ hội đặc trưng của ngư dân vùng biển Quảng Ninh.

Sau một thời gian bị ngắt đoạn do yếu tố khách quan, sinh hoạt tín ngưỡng và thực hành lễ hội Quảng Ninh đã được tạo dựng lại nhờ những nỗ lực của Nhà nước và cộng đồng. Đây chính là cách khơi dòng cho văn hóa truyền thống của cộng đồng được tiếp tục, đem đến sức sống niềm tin và sự đoàn kết của cộng đồng, cũng như để tiếp tục gọi nhắc cho thế hệ sau về nguồn gốc quá khứ của cha ông. Quá trình tạo dựng ấy được đa số người dân chấp nhận, được chính quyền ủng hộ bởi phần nào nó đảm bảo rằng sinh hoạt tín ngưỡng và thực hành lễ hội đem đến sự linh thiêng, niềm tin tâm linh của con người đương thời, là một yếu tố quan trọng tạo nên bản sắc cho cộng đồng Quảng Ninh nói riêng và cộng đồng người Việt ở vùng văn hoá Bắc Bộ nói chung, tôn trọng quyền tự quyết của cộng đồng trên cơ sở khẳng định quyền sở hữu và quyền thực hành di sản, chủ thể di sản là cộng đồng địa phương. Rõ ràng, truyền thống ấy không phải là truyền thống nguyên vẹn từ trong quá khứ, như phong tục trước kia nhưng nó đã được đa số người dân và chính quyền chấp nhận như một truyền thống vốn có của cộng đồng.

3.3. Chọn lọc truyền thống đã có tác dụng làm cho tâm lí của người tham dự lễ hội được thăng hoa và nâng tầm lễ hội

Theo bài viết, truyền thống được bảo lưu và gìn giữ, nhưng trong tổ chức lễ hội, quá trình “sáng tạo truyền thống” không có nghĩa áp dụng hoàn toàn truyền thống mà có sự chọn lọc chủ ý của cộng đồng và chính quyền để tôn trọng quá khứ, tiếp nối quá khứ và tạo dựng tương lai. Trên phương diện này, chúng ta có thể hoàn toàn đồng ý với quan điểm của tác giả Lương Văn Hy “Quá trình phục hồi lại các giá trị truyền thống thực chất là một quá trình chọn lọc phù hợp với bối cảnh mới, tuy nhiên khi có sự đầu tư, can thiệp của yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội thì quá trình phục hồi, duy trì và phát huy những giá trị đó lại có thêm những động thái và xu hướng mới” (Lương Văn Hy & Trương Huyền Chi, 2012, tr 496). Có thể thấy, cấu trúc lễ hội truyền thống Quảng Ninh cũng là một cấu trúc mở, cộng đồng đã sáng tạo thêm nhiều thành tố mới, nhưng vẫn được cộng đồng chấp nhận bởi những ý nghĩa, giá trị tồn tại ý nghĩa của chúng trong hệ thống. Ở đây chúng ta phải kể đến sự tham gia của yếu tố mới như kịch bản và nhân vật. “Về kịch bản, mỗi lễ hội truyền thống Quảng Ninh đều diễn ra theo một nội dung và trình tự nhất định, đó chính là kịch bản của lễ hội. Kịch bản này do nhân dân sáng tác, xây dựng nên trong suốt tiến trình lịch sử, luôn được sửa chữa, bổ sung và hoàn thiện cho phù hợp với điều kiện của địa phương ở từng thời điểm của lịch sử. Kịch bản lễ hội cần liên kết được các yếu tố giữa truyền thống và hiện đại, trong đó nhân vật và sự kiện lịch sử là linh hồn của nó. Một kịch bản lễ hội phải có căn cứ khoa học dựa trên những cứ liệu lịch sử đã được lưu giữ, ghi chép, lưu truyền trong đời sống xã hội, trong hệ thống thư tịch, không thể bịa đặt tùy tiện, khiên cưỡng. Bên cạnh đó, kịch bản lễ hội phải đáp ứng được tính nghi thức với những hình thức diễn xướng dân gian biểu đạt phù hợp với tâm thức truyền thống của các tầng lớp cư dân. Một nội

dung quan trọng khác chính là tính nghệ thuật phải được cụ thể, thể hiện rõ qua quá trình diễn nội dung kịch bản, có như vậy mới có sức hút trong quần chúng nhân dân và mới tồn tại được trong đời sống văn hóa cộng đồng” (Phan Thị Huệ, 2018, tr 35). Về diễn viên, như mọi vở diễn khác, lễ hội muốn thành công phải có đội ngũ “diễn viên” đáp ứng được các yêu cầu đặt ra. Đội ngũ diễn viên tham gia lễ hội là đông đảo tầng lớp quần chúng nhân dân, trong đó có một bộ phận đại diện cho cộng đồng, đó là những vị trong ban tổ chức, ban khánh tiết, ban câu đố và các thành viên khác đại diện cho lợi ích người dân. “Nhân dân tham gia lễ hội với tư cách người diễn phụ và người xem chính. Nhân dân là người sáng tạo, người tổ chức thực hiện và là người hưởng thụ các giá trị sáng tạo văn hóa nói chung trong đó có lễ hội truyền thống” (Phan Thị Huệ, 2018, tr 35).

Trình diễn dân gian trong lễ hội truyền thống Quảng Ninh không diễn lại trọn vẹn sự tích lịch sử của nhân vật. Lễ hội nào có cảnh diễn xướng dân gian sẽ chọn lấy một vài cảnh độc đáo nhất, có ý nghĩa và hợp nhất với ngôn ngữ hội để diễn. Đặc biệt, những hình thức diễn xướng tái hiện lại một hay vài sự tích của vị thánh được thờ (có nơi còn gọi là hội trận) như cảnh diễn mô phỏng trận thủy chiến của tướng Trần Khánh Dư trên biển trong lễ hội đình Quan Lạn (Vân Đồn); cảnh diễn “đánh vật tượng trưng”, “đắp đê tượng trưng” của các Tiên Công trong lễ hội Tiên Công ở xã đảo Hà Nam (Quảng Yên). Hay màn diễn xướng được sân khấu hóa, nghệ thuật hóa bằng các cảnh diễn trên sân khấu tại lễ hội nhằm tái hiện lại một số cảnh trong chiến công của các vị Thánh nhân như Trần Hưng Đạo trong lễ hội Bạch Đằng (Quảng Yên), Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tảng trong lễ hội đền Cửa Ông (Cẩm Phả), tướng Trần Khánh Dư trong lễ hội đình Quan Lạn (Vân Đồn). Ví dụ như, đám rước Đức Ông là hình ảnh tập trung của lễ hội đền Cửa Ông, là biểu trưng cho tính cộng đồng và tính cung đình

vừa thân quen vừa tráng lệ. Lễ rước kiệu Đức Ông vì hành nhằm tái hiện lại không khí hào hùng của “hào khí Đông A” một thời oanh liệt. Toàn bộ đoàn rước xếp hàng kéo dài từ đền Mẫu rồi cùng hợp lại tại chân đền Thượng, lúc này linh vị và sắc phong của Đức Ông được trang trọng đặt lên các kiệu, đoàn rước bắt đầu xuất phát dọc theo phố phường Cửa Ông. Trong không khí của đám rước, mỗi người với lòng thành kính và tinh thần bình đẳng, đều quên đi cái tôi riêng, hoà nhập vào cái chung linh thiêng.

Hình thức diễn xướng dân gian trong lễ hội là các nghi thức, trình tự nội dung và các hình thức diễn xướng khác hàm chứa nét đặc sắc của phong tục tập quán ở mỗi địa phương. Có thể nói, diễn xướng dân gian là biểu thị đặc trưng của ngôn ngữ lễ hội. Thông qua việc tái hiện một vài đoạn quan trọng để chuyển tải nội dung của lễ hội chứ không phải kể chuyện từ đầu đến cuối. Mặc dù chỉ là một bộ phận của cả chuỗi những sự tích, những cảnh diễn lại nhưng nó có tác dụng khơi dậy cả một ký ức văn hóa cho các thành viên của cộng đồng. Về mặt tâm lý, những người tham dự hội không trông chờ ở các diễn xướng dân gian về mặt nội dung (bởi vì, họ biết rất rõ thần tích lịch sử của vị thánh làng mình, năm nào làng mở hội cũng được xem cảnh diễn này), không đặt sự chú ý của mình vào cái đang diễn ra mà quan trọng hơn là họ xem cái đó diễn ra như thế nào. Tác giả Nguyễn Chí Bền cho rằng “Đôi khi các truyền thống mới có thể được nhào nặn ra dễ dàng dựa trên nền truyền thống cũ, đôi khi chúng lại có thể được cấu thành bằng cách vay mượn từ những kho chứa dân gian luôn luôn sẵn sàng” (Nguyễn Chí Bền, 2013, tr 16). Còn theo tác giả Trần Thị Thủy, “một sáng tạo được gọi là truyền thống không thể tách rời với những câu hỏi về bản sắc, niềm tin, quyền và sở hữu. Một cái gì đó sáng tạo muốn được cộng đồng coi là truyền thống phải ít nhất đảm bảo rằng nó sẽ giúp tăng cường bản sắc, đem đến niềm tin cũng như khẳng định quyền và tính sở hữu

của cộng đồng đối với chúng. Mặt khác, yếu tố đó phải đem đến niềm tin hoặc hành vi được lưu truyền trong một nhóm hay xã hội có tính biểu tượng hoặc có ý nghĩa đặc biệt với nguồn gốc trong quá khứ của cộng đồng” (Trần Thị Thủy, 2017, tr 42). Có thể thấy, cộng đồng Quảng Ninh đã rất linh hoạt trong việc khôi phục và phát huy truyền thống tự quản, vận dụng cơ chế thị trường cũng như thích nghi với mô hình quản lý mới của Nhà nước để văn hóa truyền thống vẫn hiện diện, được bảo lưu, được thực hành trong một diện mạo mới. Có thể thấy rằng, phá vỡ những quan niệm cũ khi cho rằng truyền thống là yếu tố không thể phá bỏ thì trên thực tế truyền thống này đã được tạo dựng, được sáng tạo thêm nhằm đáp ứng những biến đổi của lịch sử, thời đại, nhằm nâng cao ý nghĩa của chúng đối với thể chế, với quốc gia dân tộc. Sáng tạo truyền thống trở thành động lực thúc đẩy sự đoàn kết, tôn vinh niềm tự hào dân tộc và trở thành niềm tự hào với lịch sử văn hoá của mỗi quốc gia dân tộc.

4. KẾT LUẬN

“Cùng với sự hình thành và phát triển chung của lễ hội truyền thống Việt Nam, lễ hội truyền thống Quảng Ninh có sức lôi cuốn, hấp dẫn và trở thành nhu cầu, khát vọng thỏa nguyện của người dân địa phương qua mọi thời đại. Thông qua những hình thức biểu hiện của mình, lễ hội truyền thống không phải là hình thức mê tín dị đoan mà là cách ứng xử thông minh, khôn ngoan của con người trước sức mạnh vô hình hay hữu hình mà họ chưa nhận thức được” (Phan Thị Huệ, 2018, tr 39). Qua thực tiễn lễ hội Quảng Ninh, có thể thấy, việc tổ chức lễ hội là một công việc tất yếu với sự tham gia của nhiều bên liên quan khác nhau, thể hiện qua sự phân công xã hội, với các chiến lược khác nhau, tạo nên bức tranh sinh hoạt văn hóa đa dạng và độc đáo ở Việt Nam sau Đổi mới. Về phía nhà nước, đó là các động thái tuyên truyền quảng bá, biểu tượng hóa lễ hội và di tích, sự can thiệp vào các khâu tổ chức, tạo ra diễn ngôn mới. Nhà nước sử dụng lễ hội

truyền thống để củng cố, khẳng định quyền lực chính trị của mình. Đó là một cách để quản lý xã hội của nhà nước từ quá khứ cho đến hiện nay. Về phía cộng đồng, đó là các động thái tiếp cận, hỗ trợ, kế thừa, sáng tạo hoặc mở rộng hoặc chủ động lưu giữ, bảo tồn... Cộng đồng cũng cần tham gia lễ hội để phục vụ các mục đích của cộng đồng mà các mục đích này không giống với mục đích của nhà nước. Đây là một cách thể hiện tiếng nói cá nhân, vai trò của mình trước người khác trong cộng đồng, khẳng định tư cách là thành viên trong cộng đồng. Họ đã tham gia với tinh thần tự nguyện, nhiệt tình và hết sức linh hoạt, khéo léo để vừa đạt được mục đích của mình vừa đóng góp công sức cho cộng đồng của mình và lễ hội quê mình. Nói một cách khác, lễ hội truyền thống đã tạo nên một sân chơi, một diễn đàn, một công cụ để nhiều bên có thể tham gia, tận dụng bằng nhiều cách khác nhau. Vì vậy, thực hành sinh hoạt văn hóa lễ hội chính là một quá trình dựa trên ý nguyện, mong muốn của các bên liên quan khác nhau. Dưới sự quản lý chung của nhà nước nhưng mỗi một cộng đồng lại tham gia lễ hội với những cách thức khác nhau, đóng góp tích cực vào bản sắc quốc gia – dân tộc, bản sắc cộng đồng hoặc bản sắc nhóm, tạo ra sự khác biệt trên nền chung của môi trường văn hóa xã hội. Thực tế cho thấy, mỗi một nhóm cộng đồng tham gia vào lễ hội theo một cách khác nhau, phản ánh thể giới văn hóa đa chiều, phức tạp với sự vận hành của các quan hệ quyền lực giữa nhà nước, cộng đồng trong bối cảnh xã hội đương đại. Nói một cách ngắn gọn, đây chính là quá trình “sáng tạo truyền thống” để tạo tiền đề cho hiện tại và tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anderson, B. (2016). *Imagined Communities: Reflections on the Origin and Spread of Nationalism* (Revised edition). London, New York: Verso.
- Đinh Hồng Hải. (2016). Sáng tạo truyền thống qua biểu tượng Mẫu Liễu trong văn hóa Việt Nam. *Tạp Chí Giáo Dục Nghệ Thuật*, 19, 20, 21.
- Hobsbawm, E., & Ranger, T. (B.t.v). (2012). *The Invention of Tradition*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Lương Văn Hy & Trương Huyền Chi. (2012). Thương thảo để tái lập và sáng tạo “truyền thống”: Tiến trình cấu trúc lễ hội cộng đồng tại một làng Bắc Bộ. Trong *Những thành tựu nghiên cứu bước đầu của khoa Nhân học*. TP. Hồ Chí Minh: Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Chí Bền. (2013). *Lễ hội cổ truyền của người Việt: Cấu trúc và thành tố*. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.
- Nguyễn Thuỳ Linh. (2022). *Vốn xã hội trong lễ hội đền Và, Sơn Tây, Hà Nội* [Luận án tiến sĩ Văn hoá học]. Trường Đại học Văn hoá.
- Phan Thị Diễm Hương. (2018). Sáng tạo truyền thống: Bối cảnh và ý nghĩa mới của lễ tế nam giao được phục dựng trong Festival Huế. *Tạp chí Đại học Khoa học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 127(6C), 137–146.
- Phan Thị Huệ. (2018). *Giáo trình Lễ hội truyền thống tiêu biểu Quảng Ninh*. Thái Nguyên: Nxb Đại học Thái Nguyên.
- Trần Thị Thủy. (2017). *Tín ngưỡng Bà Chúa Kho ở châu thổ Bắc Bộ – Nghiên cứu trường hợp thờ Bà Chúa Kho ở làng Cổ Mễ, thành phố Bắc Ninh*. Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.